TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/DS-ST
Ngày 14/6/2021
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:

Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Ngày 14/6/2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 16/2020/DS- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐST- DS ngày 15/4/2021 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐHPT- DS ngày 15/5/2021 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hải Y, sinh năm 1977 Có mặt

Bị đơn: Bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1940 Có mặt

Đều có nơi cư trú: SN 413, tổ dân phố số B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ Chị: Bùi Thị Hải V, sinh năm 1974 Có mặt

Nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

+ Chị: Phạm Thị X, sinh năm 1976

+ Cháu: Bùi Khánh A, sinh năm 2014. Người đại diện hợp pháp của cháu An, chị Phạm Thị X, sinh năm 1976 (là mẹ cháu A)

Đều trú tại: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Chị X, cháu A vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Bùi Thị Hải Y trình bày:

Bố chị là Bùi Xuân H1, sinh năm 1942, chết năm 2007 không để lại di chúc, mẹ chị là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1940. Bố mẹ chị sinh được 03 người con là Bùi Thị Hải V, sinh năm 1974; chị là Bùi Thị Hải Y, sinh năm 1977 và anh Bùi Long C, sinh năm 1972 (anh C đã chết năm 2013 do tai nạn, anh C có vợ là chị Phạm Thị X, sinh năm 1976 và con gái là cháu Bùi Khánh A, sinh năm 2014), bố mẹ chị không có con riêng và không có con nuôi. Trước khi bố chị mất, ông H1 và bà K có tài sản chung là thửa đất số 03 tờ bản đồ số 7 có diện tích 174,5m2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1987 diện tích 14,62m2 và một căn nhà 2 tầng có diện tích 91m2 do mẹ chị xây năm 2008 (sau khi bố chị mất) đều có địa chỉ tại số nhà 413, tổ dân phố số B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Năm 2011, UBND huyện T đã ra quyết định thu hồi 29,8m2 để làm đường giao thông và bồi thường cho gia đình chị số tiền 32.883.000 đồng, sau khi bị thu hồi diện tích đất còn lại là 144,7m2.

Nay chị Y khởi kiện đề nghị chia di sản của bố chị để lại là 1/2 giá trị 144,7m2 đất và 1/2 giá trị ngôi nhà cấp 4. Đối với ngôi nhà 02 tầng diện tích 91m2 xây trên thửa đất chị xác định đây là tài sản riêng của bà K, xây sau khi bố chị mất, chị không yêu cầu. Đối với số tiền đền bù do nhà nước thu hồi đất là 32.883.000 đồng, bà K đã nhận năm 2012 và chia cho các con nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị đề nghị giao lại tài sản là nhà đất cho bà K sử dụng, bà K thanh toán bằng tiền cho các hàng thừa kế.

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và ông Bùi Xuân H1 là vợ chồng, ông H1 chết năm 2007 không để lại di chúc, bà và ông H1 đều không có con riêng và không có con nuôi. Ông H1 và

bà sinh được 03 người con là Bùi Thị Hải V, sinh năm 1974, Bùi Thị Hải Y, sinh năm 1977 và anh Bùi Long C, sinh năm 1972 (anh C đã chết năm 2013 do tai nạn, anh C có vợ là chị Phạm Thị X, sinh năm 1976 và con gái là cháu Bùi Khánh A, sinh năm 2014). Trước khi ông H1 mất, ông bà có tạo dựng được khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 03 tờ bản đồ số 7 có diện tích 174,5m2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1987 diện tích 14,62m2. Trên thửa đất trên có 01 căn nhà 2 tầng có diện tích 91m2 do bà xây năm 2008, đây là tài sản riêng của bà vì bà xây sau khi ông H1 mất. Nguồn tiền xây là do bà tiết kiệm sau khi ông H1 mất và do con gái bà là chị V cho để xây nhà và bà vay ngân hàng. Trước khi ông H1 mất thì ông bà là cán bộ về hưu, lương chỉ có hơn 2.000.000đ/người/tháng, ông H1 lại bị tai biến 4 năm nằm liệt nên vợ chồng bà đã phải dồn toàn bộ tiền tích góp để chữa bệnh cho ông. Năm 2011, UBND huyện T đã ra quyết định thu hồi 29,8m2 để làm đường giao thông và bồi thường cho bà số tiền 32.883.000 đồng, số tiền này bà đã nhận và chia cho các con, ngoài ra ông bà không còn tài sản nào khác. Diện tích đất sau thu hồi còn lại là 144,7m2.

Nay chị Y khởi kiện đề nghị chia di sản của ông H1 để lại là 1/2 giá trị 144,7m2 đất và 1/2 giá trị ngôi nhà cấp 4, bà xác định bà tuổi đã cao, không biết sống chết thế nào nên bà muốn rạch ròi về phân định tài sản, bà đồng ý với yêu cầu của chị Y, bà mong muốn nhận nhà và đất để làm nơi thờ cúng và thanh toán giá trị bằng tiền cho các hàng thừa kế.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị Hải V trình bày:

Chị xác định lời trình bày của chị Y, bà K về quan hệ huyết thống cũng như di sản của bố chị để lại là hoàn toàn đúng, phần di sản của bố chị để lại là là giá trị 1/2 diện tích đất 144,7m2 và giá trị 1/2 giá trị ngôi nhà cấp 4 có địa chỉ

tại số nhà 413, tổ dân phố số B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nay chị Y khởi kiện đề nghị chia di sản của bố chị để lại là giá trị 1/2 diện tích đất và giá trị 1/2 giá trị ngôi nhà cấp 4. Chị đồng ý giao tài sản là nhà đất cho bà K sử dụng, bà K thanh toán bằng tiền cho các hàng thừa kế.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị X trình bày:

Chồng chị là anh Bùi Long C, sinh năm 1972 (đã chết năm 2013) là con của bà Nguyễn Thị K, là mẹ chồng chị và là anh chồng của chị Bùi Thị Hải Y là nguyên đơn trong vụ án chia di sản thừa kế, chị và anh C có 01 con chung là cháu Bùi Khánh A, sinh năm 2014, chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cũng như yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị X không đến Tòa án làm việc, chưa tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hải Y, xác định phần di sản của ông H1 là 1/2 giá trị thửa đất còn lại, căn nhà cấp 4 đã hết khâu hao. Kết quả định giá xác định giá trị đất là 846.500.000 đồng. Ông H1 được 1/2 giá trị tài sản (846.500.000 đ:2) là 423.250.000 đồng, ông H1 có 04 hàng thừa kế (bà

K, anh C, chị V, chị Y) nên mỗi phần thừa kế được hưởng (423.250.000đ:4) là 105.812.500 đồng. Do anh C đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của anh Châu (là bà K, chị X, cháu A) mỗi người được hưởng là 35.271.000 đồng. Giao cho bà Nguyễn Thị K được sở hữu và sử dụng diện tích đất ở 144,7m2 cùng ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất bà K có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị cho các hàng thừa kế.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá sơ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị X, cháu A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị X, cháu A.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1].Về di sản thừa kế: Thửa đất số thửa đất số 03 tờ bản đồ số 7 có diện tích 174,5m2 có địa chỉ tại số nhà 413, tổ dân phố số B, thị trấn D được nhà nước cấp cho ông Bùi Xuân H1 và bà Nguyễn Thị K năm 1987, cùng năm đó ông H1 và bà K xây dựng 01 ngôi nhà cấp bốn, lợp Bờrôximăng diện tích 14,62m2. Năm 2011, UBND huyện T đã ra quyết định thu hồi 29,8m2 để làm đường giao thông, sau khi bị thu hồi diện tích đất còn lại là 144,7m2. Nguyên đơn là chị Y, bị đơn là bà K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị V

đều xác định thửa đất số 03, tờ bản đồ số 7 diện tích 144,7m2 cùng ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất tại số nhà 413, tổ dân phố số B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình là tài sản của vợ chồng ông H1 và bà K, ông H1 chết năm 2007 không để lại di chúc, ông H1 không có con riêng, không có con nuôi nên xác định di sản thừa kế của ông Hào để lại là 1/2 giá trị đất và 1/2 giá trị nhà cấp 4, ngoài ra không còn di sản nào khác.

Đối với ngôi nhà mái bằng 02 tầng có diện tích 91m2 xây dựng trên thửa đất, bà K xác định ngôi nhà trên bà tự bỏ tiền ra xây để ở, bà xây dựng ngôi nhà này sau khi ông H1 chết nên xác định ngôi nhà trên là tài sản riêng của bà K. Đối với số tiền 32.883.000 đồng là tiền đền bù khi thu hồi diện tích 29,8m2 để làm công trình giao thông, bà K đã nhận và chia đều cho 3 con và các đương sự đều không đề nghị giải quyết

[2.3].Về hàng thừa kế:

Năm 2007 ông H1 chết, thời điểm mở thừa kế của ông H1 là năm 2007, theo quy định của khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì bà K được hưởng là một 1/2 tài sản chung với ông H1.

Ông H1 mất năm 2007, không có con riêng, không có con nuôi nên xác định hàng thừa kế ông H1 là bà K, anh C, chị V, chị Y.

Anh C chết năm 2013 có vợ là chị Phạm Thị X và con chung của anh chị là cháu Bùi Khánh A, sinh năm 2014 nên xác định di sản thừa kế của anh C được thừa hưởng từ di sản của ông H1 sẽ do các hàng thừa kế thứ nhất của anh C được hưởng là bà K, chị X và cháu A.

Do cháu A chưa thành niên nên chị X là người đại diện theo pháp luật và quản lý tài sản của cháu A.

[2.4].Về công sức trông coi, quản lý di sản: Sau khi ông H1 chết, bà K là người ở trên thửa đất, trong nom quản lý và đóng thuế hàng năm, tuy nhiên bà K không yêu cầu tòa án xác định công sức quản lý di sản.

[2.5].Chia di sản thừa kế:

Nhà cũ là tài sản chung của ông H1 và bà K là nhà cấp bốn, xây dựng từ năm 1987 đã cũ và dột nát không còn giá trị sử dụng, nên tài sản chung của ông H1 và bà K chỉ là giá trị quyền sử dụng đất 144,7m2. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì đất có giá trị là 5.850.000 đồng / m2.

+ Tính giá trị 144,7 m2 x 5.850.000 đồng = 846.500.000 đồng.

Di sản của ông Hào là ½ giá trị đất = 423.250.000 đồng

Di sản thừa kế ông Hào được chia 04 phần bằng nhau (cho 03 người con và bà Khuy)

423.250.000 đồng chia cho 04 phần = 105.812.500 đồng.

Bà K, chị V, chị Y, anh C mỗi người được chia là 105.812.500 đồng.

Do anh C đã chết nên hàng thừa kế của anh C được hưởng gồm bà K, chị X, cháu A mỗi người được hưởng là

105.812.500 đồng chia 03 phần = 35.271.000 đồng.

Bà K, chị X, cháu A mỗi người được chia là 35.271.000 đồng

Như vậy phần di sản các hàng thừa kế được xác định như sau:

- Bà K được chia (105.812.500 đ + 35.271.000 đ) = 141.083.500 đồng
- Chị V được chia 105.812.500 đồng
- Chị Y được chia 105.812.500 đồng.
- Chị X được chia 35.271.000 đồng
- Cháu A được chia 35.271.000 đồng.

Do các đương sự là chị Y, chị V đề nghị giao toàn bộ tài sản cho bà K, hiện bà K chỉ có căn nhà trên để sinh sống, bà đề nghị được nhận tài sản là đất và nhà trả tiền cho các hàng thừa kế, chị X và cháu A được hưởng phần giá trị tài sản không lớn do vậy cần thiết giao toàn bộ nhà và đất cho bà K. Bà K có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các hàng thừa kế. Tại phiên tòa chị V, chị Y thống nhất để lại toàn bộ phần di sản được hưởng cho bà K nên cần nghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với phần di sản cháu A được hưởng, do cháu A chưa đến tuổi thành niên nên cần giao phần di sản cháu được hưởng cho chị X quản lý.

[3].Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Chị Y tự nguyện chịu toàn bộ chi thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, số tiền này chị đã thi hành xong .

[4].Về án phí: Bà K hiện nay đã trên 80 tuổi là người già, cháu A năm nay mới 7 tuổi là trẻ em nên được miễn án phí. Chị V, chị Y, chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 622, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự, Điều 5, 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của chị Bùi Thị Hải Y

2. Xác định di sản thừa kế gồm:

1/2 thửa đất số 03 tờ bản đồ số 7 có diện tích 144,7m2 có địa chỉ tại số nhà 413, tổ dân phố số B, thị trấn D huyện T, tỉnh Thái Bình, tài sản xây dựng trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn, lợp Bờrôximăng diện tích 14,62m2 (nhà đã hết khấu hao).

3. Chia phần di sản của ông H1 cho các hàng thừa kế, trong đó bà K được 141.083.500 đồng; chị V, chị Y mỗi người được 105.812.500 đồng. Chị Phạm Thị X và cháu Bùi Khánh A mỗi người được 35.271.000 đồng. Giao cho bà Nguyễn Thị K được hưởng toàn bộ di sản là hiện vật ông H1 để lại, bà K được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 144,7 m2 tại thửa đất số 03, tờ bản

đồ số B cùng ngôi nhà cấp bốn, lợp Bờrôximăng diện tích 14,62m2 đã hết giá trị sử dụng có địa chỉ tại số nhà 413, tổ dân phố số B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình, có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp đường sông G dài 12,56 m

+ Phía Tây giáp Bệnh viện đa khoa huyện T dài 11,92 m

+ Phía Nam giáp ngõ đi bệnh viện Đa khoa huyện T có chiều dài 11,76m

+ Phía Bắc giáp nhà bà Phạm Thị Đ có chiều dài 11,89 m.

Đối với tường dậu 110 dài 9,1 m (phía Đông) xây dựng trên phần đất lấn chiếm hành lang giao thông do Ủy ban nhân dân thị trấn D quản lý, bà K có trách nhiệm tháo dỡ khi Ủy ban nhân dân thị trấn D yêu cầu.

4. Bà K phải thanh toán cho chị X số tiền là 35.271.000 đồng

Bà K phải thanh toán cho cháu A số tiền là 35.271.000 đồng

Do cháu A còn nhỏ nên cần giao số tiền trên của cháu A cho chị X quản lý. Vì vậy bà K phải thanh toán cho chị X số tiền được chia của chị và cháu A tổng là 70.542.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị V và chị Y để lại phần di sản được hưởng cho bà K, bà K không phải trả chênh lệch tài sản chị V, chị Y được hưởng.

5.Về án phí:

Bà K hiện nay đã trên 80 tuổi là người già, cháu A mới 7 tuổi là trẻ em nên được miễn án phí.

Chị Bùi Thị Hải V phải chịu 5.290.600 đồng án phí

Chị Phạm Thị X phải chịu 1.763.500 đồng án phí

Chị Bùi Thị Hải Y phải chịu 5.290.600 đồng án phí. Chị Y đã nộp 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002398 ngày 13/10/2020 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T. Trả lại cho chị Y số tiền là 8.709.400 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thế Tương

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thái Thụy
-Chi cục THADS huyện Thái Thụy
-TAND tỉnh TB;
-Các đương sự.
-UBND thị trấn D
- UBND xã P